

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

VNIndex tiếp tục lao dốc mạnh khi tình hình dịch bệnh Corona chuyển biến xấu

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

F2002 tiếp tục giảm sâu nhưng đã xuất hiện lực cầu bắt đáy về cuối phiên

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

VIC, CTG

[Vĩ Mô/Chiến Lược]

Cập nhật kinh tế vĩ mô: Lạm phát và xuất nhập khẩu tháng 1

[KBSV Danh Mục Đầu Tư]

Thêm: CTG, Loại: PVD

[Quan điểm đầu tư]

Tăng dần tỷ trọng trở lại

31/01/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	936.62	-2.39
VN30	848.63	-3.10
HĐTL VN30	852.00	-2.41
HNXIndex	102.36	-1.68
HNX30	177.95	-2.30
UPCoM	55.13	-1.08
USD/VNĐ	VND23,223	+0.19
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.14	+4
Lãi suất qua đêm (%)	2.89	+79
Dầu (WTI, \$)	52.14	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,578.64	+0.28

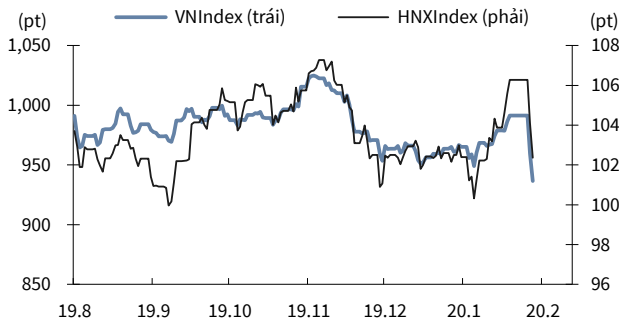


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	936.62 (-2.39%)
KLGD (triệu CP)	210.6 (+16.1%)
GTGD (triệu US\$)	210.5 (+6.5%)
HNXIndex	102.36 (-1.68%)
KLGD (triệu CP)	47.5 (+59.3%)
GTGD (triệu US\$)	20.9 (+46.8%)
UPCoM	55.13 (-1.08%)
KLGD (triệu CP)	13.5 (+51.2%)
GTGD (triệu US\$)	6.0 (+18.9%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-0.7

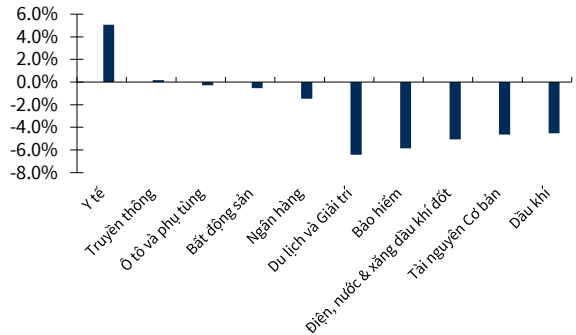
VNIndex tiếp tục lao dốc mạnh khi mà tình hình dịch bệnh Corona chuyển biến xấu ở Trung Quốc và cả ở Việt Nam. Hai cổ phiếu hàng không tiếp tục bị bán tháo mạnh, HVN (-6.9%) và VJC (-7.0%) trước nỗi lo suy giảm hoạt động du lịch trong Q1. Tương tự, các cổ phiếu xăng dầu cũng chịu áp lực giảm sâu, GAS (-5.98%), PVD (-6.67%) do sự sụt giảm của giá dầu trước nỗi lo virus Corona khiến hoạt động kinh tế toàn cầu suy giảm. Nhóm ngành ngân hàng có giao dịch tích cực hơn so với thị trường chung nhờ thông tin Chính phủ sẽ sử dụng ngân sách để hỗ trợ VCB và CTG tăng vốn. Đáng chú ý cổ phiếu VNM giảm sâu -6.95% sau khi LNST Q4 bất ngờ sụt giảm 4% YoY, xấu hơn mức dự báo của thị trường, khiến cho cổ phiếu này bị bán tháo mạnh mẽ từ NĐT trong nước và cả NĐT nước ngoài. Đáng chú ý, nhóm cổ phiếu dược phẩm (IMP, DHG, DVN) đi ngược thị trường và tăng trần đồng loạt do là nhóm cổ phiếu mang tính phòng thủ và được kỳ vọng ít chịu tác động tiêu cực từ dịch cúm Corona. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng nhẹ ở VCB, VPB và VHM.

VN Index & HNX Index



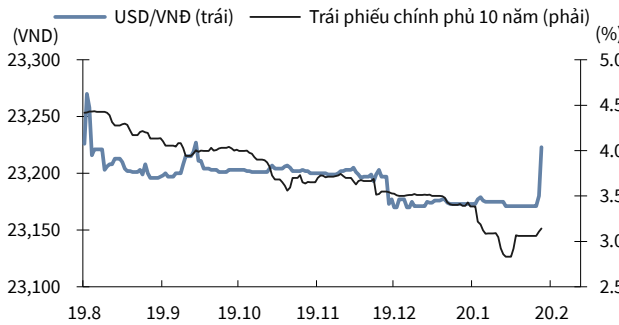
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



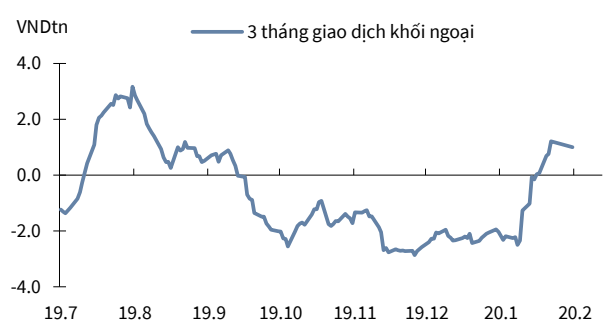
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30	848.63 (-3.10%)
VN30 tương lai	852.0 (-2.41%)
Mở cửa	879.0
Cao nhất	879.4
Thấp nhất	845.0
Hợp đồng	139,807 (+31.6%)
KL HĐ mở OI	N/A

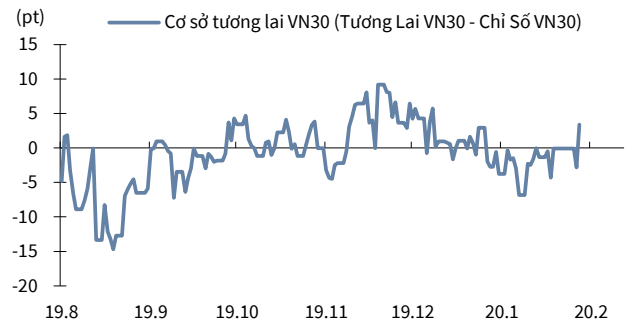
Chịu áp lực từ thị trường cơ sở, hợp đồng tháng 2 tiếp tục giảm sâu nhưng đã xuất hiện lực cầu bắt đáy về cuối phiên, giúp F2002 đóng cửa có mức giảm ít hơn so với chỉ số VN30 Index. Diễn biến trên giúp chênh lệch đảo chiều từ mức âm sang dương 3.37 điểm cho thấy kỳ vọng của thị trường vào việc chỉ số VN30 sẽ sớm hồi phục. Thanh khoản có sự gia tăng đột biến trong phiên chỉ số VN30 cơ cấu lại danh mục. Nhà đầu tư nước ngoài cũng có phiên giao dịch tích cực với giá trị bán ròng nhẹ.

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



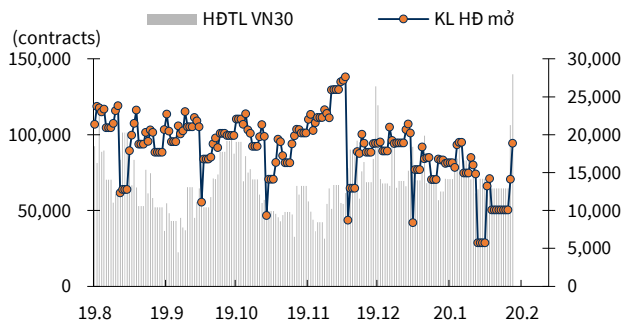
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



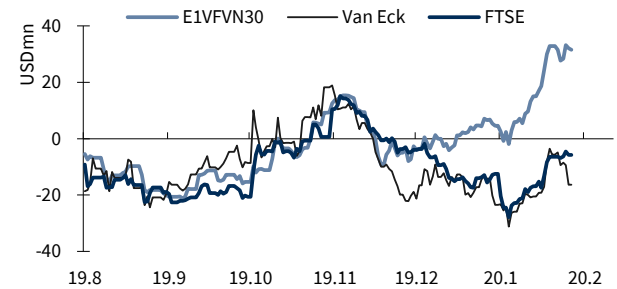
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

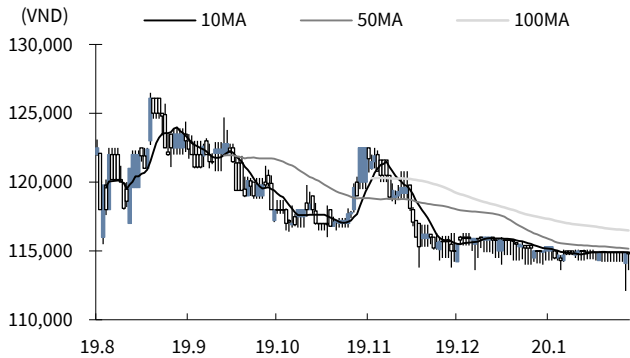
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

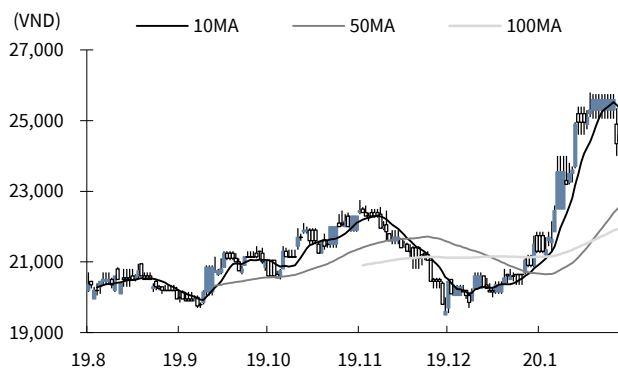
Vingroup (VIC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC giảm -0.1% xuống 114,800 VND/cp.
- Báo cáo tài chính hợp nhất của VIC cho biết lợi nhuận sau thuế 2019 của doanh nghiệp đạt 7.702 tỷ đồng, tăng 24.4% so với cùng kỳ. Doanh thu của tập đoàn đạt 130,790 tỷ đồng, tăng trưởng 7.3%.
- Lợi nhuận trước thuế của tập đoàn đạt 15,639 tỷ đồng. Trong đó, chỉ riêng mảng kinh doanh chuyển nhượng bất động sản đã đạt lợi nhuận trước thuế 28,415 tỷ đồng (tăng 49% yoy), nhờ việc mở bán các dự án lớn như Vinhomes Ocean Park, Vinhomes Smart City và Vinhomes Grand Park.

VietinBank (CTG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTG tăng 0.2% lên 24,400 VND/cp.
- Phát biểu mới đây của Phó thủ tướng Vương Đình Huệ cho biết đối với Viettinbank và Vietcombank: "Chính phủ sẽ dành khoảng 10,000 tỷ đồng cho hai ngân hàng này" để tăng vốn điều lệ, nhiều khả năng sẽ diễn ra ngay trong quý I năm nay.
- Trước đó, lãnh đạo ngân hàng cho biết lợi nhuận riêng lẻ cả năm 2019 đạt gần 11.5 nghìn tỷ đồng, tăng trên 26% so với kế hoạch và tăng 83% so với năm 2018.

Cập nhật thông tin vĩ mô

Lạm phát tăng kỷ lục – Nhập siêu trong tháng 1

Lạm phát và lạm phát cơ bản trong tháng 1 tăng cao kỷ lục

- Số liệu từ Tổng cục Thống kê cho thấy chỉ số CPI tháng 1 tăng 1.23% MoM – mức tăng cao nhất cho tháng 1 trong 7 năm gần đây. So với cùng kỳ, CPI tăng vọt lên 6.43% - mức cao nhất kể từ tháng 8/2013.
- Lạm phát cơ bản cũng tăng vọt lên 0.76% MoM và 3.25% YoY – mức cao nhất kể từ khi chỉ số này được tính toán.

Nhu cầu tiêu dùng tăng cao vào dịp Tết Nguyên đán là nguyên nhân chính khiến chỉ số lạm phát tăng mạnh trong tháng 1

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+10.93% YoY), trong đó nhóm thực phẩm (+14.45% YoY) đóng góp lớn nhất trong mức tăng của CPI tháng 1, làm CPI chung tăng 3.95%. Giá các loại thực phẩm thiết yếu, trong đó giá thịt lợn tăng 8.29% MoM khiến CPI nhóm thực phẩm tăng mạnh
- Nhóm nhà ở và VLXD (+6.29% YoY) và nhóm giao thông (+7.50% YoY) lần lượt đóng góp 0.99% và 0.70% vào CPI chung. Giá dịch vụ sửa chữa nhà cửa, giá gas và giá nhóm xăng, dầu tăng trong tháng 1 là nguyên nhân chính khiến chỉ số CPI các nhóm này tăng.

Chỉ số CPI tăng mạnh trong tháng 1, tương đồng với dự báo của KBSV. CPI bình quân tháng 2 dự báo sẽ ở mức 6 – 6.2% so với cùng kỳ

- CPI tăng mạnh trong tháng 1 khá tương đồng với dự báo của chúng tôi trong Báo cáo cập nhật về giá xăng và chỉ số CPI tháng 1. Tuy nhiên, giá các mặt hàng thực phẩm tăng cao hơn dự báo khiến nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng vượt kỳ vọng.
- Yếu tố mùa vụ là dịp Tết Nguyên đán sẽ tiếp tục ảnh hưởng tới chỉ số CPI tháng 2 (kỳ tính CPI tháng 2 bắt đầu từ ngày 20/1/2020). Hai yếu tố hỗ trợ cho lạm phát trong tháng 2 bao gồm: i) giá nhóm thực phẩm sẽ không có nhiều biến động mạnh. Cụ thể, giá thịt heo trong tháng 2 dự kiến sẽ giảm 5% so với tháng 1. Ngoài ra, chúng tôi nhận thấy, bên cạnh thịt lợn, giá các nhóm thực phẩm khác diễn biến khá ổn định, giúp mức tăng của nhóm thực phẩm giai đoạn hiện tại chỉ tương đương mức tăng dịp Tết 2019 (trên 10%); ii) giá nhóm giao thông nhiều khả năng giảm. Giá xăng, dầu đã được điều chỉnh giảm mạnh trong ngày 30/1 với mức giảm lên tới gần 800 đồng cho xăng Ron95.
- Bước sang 2H2020, mức tăng CPI bình quân sẽ dần hạ nhiệt do mức nền cùng kỳ 2019 bắt đầu chịu ảnh hưởng của giá thịt heo và chúng tôi vẫn giữ nguyên dự báo CPI bình quân năm 2020 ở mức 3.7%.
- Việc điều hành chính sách tiền tệ của NHNN trong 1H2020 sẽ gặp nhiều khó khăn hơn khi lạm phát bình quân và lạm phát cơ bản được dự báo vẫn ở mức cao hơn so với mục tiêu của Chính phủ. Chúng tôi dự báo NHNN sẽ tiếp tục điều hành chính sách theo hướng thận trọng vào 1H2020 và trong 2H2020 nếu điều kiện thích hợp, lãi suất điều hành nhiều khả năng sẽ được điều chỉnh giảm 25bps.

Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

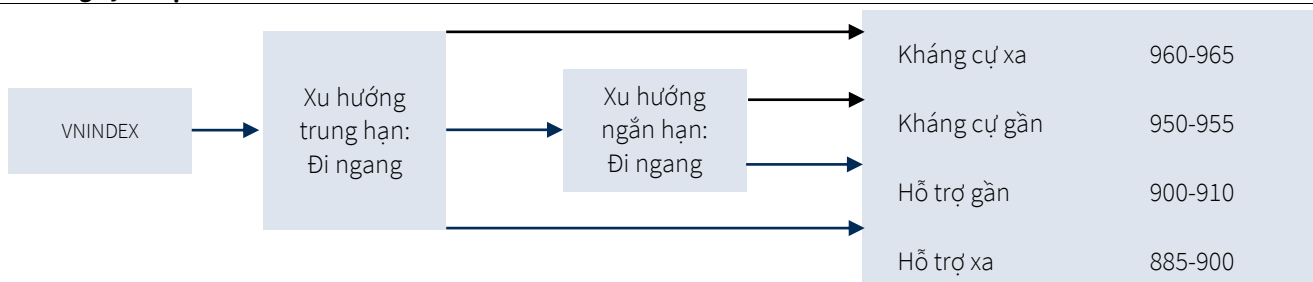
Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- VNIndex tiếp tục có phiên lao dốc và về lại vùng đáy đầu năm 2019.
- Chúng tôi cho rằng diễn biến giảm điểm có thể sẽ còn xảy ra trong những phiên đầu tuần sau trước khi chỉ số có cơ hội tạo đáy hồi phục tại vùng hỗ trợ mạnh mang tính trung hạn 905-925.
- NĐT được khuyến nghị có thể trải lệnh tăng dần tỷ trọng trở lại khi thị trường về đến vùng hỗ trợ mạnh.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Tương tự VNIndex, chỉ số VN30 cũng có thêm 1 phiên giảm điêm sâu
- Mặc dù đã chớm phá vỡ đường trendline tăng thoải từ đầu 2019 nhưng chỉ số cũng đã về gần vùng hỗ trợ đáng lưu ý tại quanh 820-840, vốn được xem là vùng hỗ trợ mạnh mang tính trung hạn.
- Tại đây, chúng tôi kì vọng thị trường sẽ xuất hiện nhịp hồi phục ít nhất là trong ngắn hạn, đồng nhất với tín hiệu độ lệch đã chuyển từ âm sang dương ở tất cả các HĐ.
- NĐT được khuyến nghị có thể bắt đầu trải lệnh LONG từng phần trở lại khi chỉ số về vùng hỗ trợ mạnh.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

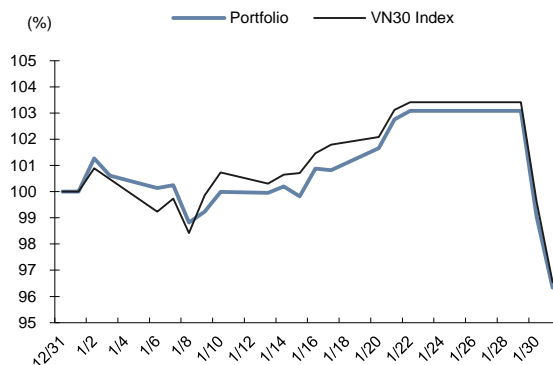
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-3.10%	-2.75%
Tăng lũy kế (YTD)	-3.67%	-3.46%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 31/01/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	110,800	-2.8%	2.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,500	-3.3%	4.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	84,300	-3.9%	19.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	20,800	-2.1%	13.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	33,900	-5.3%	8.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	52,000	-4.9%	46.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	24,400	0.0%	0.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Power Const No. 1 (PC1)	06/11/2019	16,800	-5.6%	-3.2%	- Đóng góp lớn từ dự án BĐS Thanh Xuân và mảng xây lắp đường truyền. - Mảng xây lắp điện kỳ vọng tăng trưởng mạnh do nhu cầu đầu tư từ EVN. - Công suất các nhà máy điện của PC1 dự kiến tăng mạnh trong năm 2020.
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	24,100	-4.7%	12.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	16,300	-5.8%	3.6%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCB	-0.2%	23.8%	48.2
VPB	-1.1%	23.4%	31.7
VHM	0.1%	15.0%	31.3
GAS	-6.0%	3.6%	21.2
NT2	-2.8%	18.5%	10.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CEO	-3.5%	15.7%	0.4
BVS	0.0%	28.2%	0.2
IDV	-2.5%	14.1%	0.2
INN	-2.6%	9.5%	0.1
PMC	1.8%	21.9%	0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	8.5%	DHG, IMP
Ô tô và phụ tùng	1.2%	TCH, HHS
Bất động sản	-0.6%	VHM, KOS
Truyền thông	-0.9%	YEG, AAA
Xây dựng và Vật Liệu	-2.3%	CTD, GAB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	12.8%	TCH, HHS
Y tế	5.6%	DHG, IMP
Ngân hàng	2.6%	BID, CTG
Tài nguyên Cơ bản	-0.8%	NKG, DHC
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.2%	TLG, LIX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (% -1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	114,800	388,303 (16,724)	35,895 (1.5)	22.0	76.7	41.0	48.4	5.3	8.2	4.9	4.4	-0.1	-0.1	-0.2	-0.2
	VHM	VINHOMES JSC	87,500	287,832 (12,396)	57,118 (2.5)	34.0	15.3	10.6	37.8	33.4	36.0	4.9	3.4	0.1	1.7	3.2	3.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	30,050	68,283 (2,941)	30,827 (1.3)	16.1	25.4	19.7	18.1	9.6	10.7	2.4	2.2	-2.9	-7.8	-11.6	-11.6
	NVL	NOVA LAND INVES	55,100	53,422 (2,301)	18,415 (0.8)	31.6	17.9	17.0	-4.3	14.4	12.0	2.3	-	0.0	-1.6	-7.4	-7.4
	KDH	KHANGDIENHOUSE	25,000	13,611 (586)	5,375 (0.2)	4.4	11.2	10.1	20.7	15.0	14.8	1.6	1.5	-2.0	-3.1	-7.1	-7.1
	DXG	DAT XANH GROUP	11,550	6,026 (258)	18,100 (0.8)	3.6	4.0	2.9	3.3	18.0	22.7	0.7	-	-6.9	-11.2	-20.3	-20.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	88,700	328,977 (14,168)	105,472 (4.6)	6.2	15.8	13.6	23.7	24.6	22.5	3.1	2.6	-0.2	-6.1	-1.7	-1.7
	BID	BANK FOR INVESTM	51,500	207,134 (8,921)	45,961 (2.0)	12.0	23.5	19.4	15.9	14.1	14.5	2.5	2.4	-2.3	-3.7	11.6	11.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,600	75,603 (3,256)	60,818 (2.6)	0.0	6.9	5.9	8.1	17.0	16.4	1.0	0.9	-5.7	-7.7	-8.3	-8.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	24,400	90,851 (3,913)	164,323 (7.1)	0.3	9.9	7.9	30.5	13.4	13.4	1.1	0.9	0.2	-2.2	16.7	16.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,450	54,727 (2,357)	57,819 (2.5)	0.1	5.7	5.1	13.6	20.5	19.3	1.1	0.9	-1.1	2.5	12.3	12.3
	MBB	MILITARYCOMMERC	20,800	48,374 (2,083)	105,793 (4.6)	0.0	5.8	4.8	15.5	20.9	20.5	1.1	0.9	-2.1	-5.5	0.0	0.0
	HDB	HDBANK	27,000	25,991 (1,119)	44,375 (1.9)	6.7	8.3	7.1	12.8	18.7	19.5	1.4	1.3	-3.4	-5.4	-2.0	-2.0
	STB	SACOMBANK	10,200	18,397 (792)	51,398 (2.2)	11.5	6.3	4.9	56.6	10.3	13.2	0.6	0.5	-1.4	-3.8	1.5	1.5
	TPB	TIENPHONGCOMME	20,900	17,275 (744)	2,607 (0.1)	0.0	5.4	4.6	33.5	22.4	21.3	1.1	-	-2.3	-3.0	-0.7	-0.7
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,850	21,945 (945)	2,577 (0.1)	0.0	23.6	24.3	18.6	5.8	5.3	1.3	1.3	-0.6	0.3	0.3	0.3
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	58,800	43,649 (1,880)	8,940 (0.4)	19.5	31.3	12.8	8.0	8.8	16.6	2.3	2.0	-6.8	-10.8	-14.3	-14.3
	BMI	BAOMINHINSURANC	25,300	2,311 (100)	740 (0.0)	11.4	-	-	-	-	-	-	-	1.6	-1.6	2.0	2.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,700	9,170 (395)	31,697 (1.4)	44.8	4.0	7.6	33.9	10.5	11.4	0.7	0.8	-4.3	-8.1	-1.9	-1.9
	VCI	VIET CAPITAL SEC	26,800	4,405 (190)	839 (0.0)	64.0	7.4	6.2	-14.5	13.9	14.8	1.0	0.9	-0.7	-6.9	-9.2	-9.2
	HCM	HOCHIMINH CITY	19,250	5,881 (253)	22,283 (1.0)	43.7	11.3	6.7	-16.4	11.5	17.7	1.3	1.1	-6.8	-10.9	-9.8	-9.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	14,700	3,066 (132)	2,254 (0.1)	8.7	8.5	6.5	-4.2	12.3	15.1	0.9	0.8	-1.7	1.7	2.1	2.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	108,500	188,939 (8,137)	82,482 (3.6)	41.2	18.2	17.4	7.1	39.0	38.6	6.2	5.5	-6.9	-8.5	-6.9	-6.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	212,000	135,952 (5,855)	6,144 (0.3)	36.6	23.9	18.3	19.7	32.0	36.8	6.7	6.0	-2.8	-9.6	-7.0	-7.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	50,100	58,564 (2,522)	31,386 (1.4)	9.8	13.7	10.6	-14.7	11.7	16.2	1.5	1.3	0.0	-8.9	-11.3	-11.3
	HNG	HOANGANH GIA LA	13,500	14,965 (645)	2,577 (0.1)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	-2.9	-3.6	-2.9	-2.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	130,200	68,204 (2,937)	61,703 (2.7)	10.5	12.3	11.3	10.1	38.7	37.8	4.3	3.5	-7.0	-12.1	-10.9	-10.9
	GMD	GEMADEPT CORP	19,100	5,671 (244)	8,796 (0.4)	0.0	10.1	9.9	-44.5	9.2	9.1	0.9	0.9	-6.8	-10.7	-18.0	-18.0
	CII	HOCHIMINH CITY	24,500	6,072 (262)	13,444 (0.6)	19.0	10.9	9.9	147.6	12.2	12.8	-	-	-2.0	-5.8	8.9	8.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	9,330	5,296 (228)	89,200 (3.8)	45.0	-	-	-	-	-	-	-	-6.7	-6.7	-46.1	-46.1
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,300	9,423 (406)	10,259 (0.4)	33.5	9.7	7.5	-2.5	13.3	15.8	1.3	1.3	-2.0	-3.0	-0.3	-0.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	55,700	4,249 (183)	6,504 (0.3)	1.9	6.6	7.9	-30.7	7.9	6.3	0.5	-	5.3	5.7	8.6	8.6
	REE	REE	33,900	10,511 (453)	27,584 (1.2)	0.0	6.1	5.3	-1.5	15.5	15.0	0.9	-	-5.3	-7.1	-6.6	-6.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa	GTGD	Room còn lại (%,-1đ)	PER (X)		EPS	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
				thị trường (VNĐTỷ)	(VNĐTỷ, USDmn)		19E	20E	CAGR (%)	19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	86,500	165,557 (7,130)	26,528 (1.1)	45.4	13.8	13.0	2.5	25.2	25.5	3.2	3.0	-6.0	-7.2	-7.7	-7.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	19,250	5,542 (239)	4,400 (0.2)	30.5	7.5	7.0	-0.9	18.8	19.7	-	-	-2.8	5.2	-11.1	-11.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	25,600	8,208 (353)	4,246 (0.2)	32.7	8.9	8.6	-9.1	16.3	16.6	1.4	-	-3.2	-1.2	-4.8	-4.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOAPHATGRP JSC	24,100	66,542 (2,866)	176,358 (7.6)	10.4	7.5	6.7	2.5	18.0	17.8	1.2	1.1	-4.7	-3.6	2.6	2.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	11,600	4,539 (196)	4,119 (0.2)	30.1	10.2	7.9	-16.2	6.2	7.7	0.6	0.6	-6.8	-7.2	-10.4	-10.4
	DCM	PETROCA MAU FER	5,910	3,129 (135)	1,308 (0.1)	46.6	7.9	9.5	-	6.4	5.3	0.5	0.5	-0.7	-0.2	-9.1	-9.1
	HSG	HOA SENG GROUP	8,150	3,449 (149)	42,430 (1.8)	30.7	8.9	6.7	-5.5	7.2	8.3	0.5	0.5	-5.9	-3.4	4.4	4.4
	AAA	ANPHATBIOPLAST	11,500	1,969 (085)	19,883 (0.9)	37.1	5.2	-	49.2	16.3	-	0.7	-	-5.0	-8.0	-9.4	-9.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	53,000	63,113 (2,718)	17,367 (0.7)	6.6	15.8	15.2	11.9	18.8	19.3	3.0	3.0	-4.3	-5.7	-5.4	-5.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	13,300	5,601 (241)	45,346 (2.0)	30.4	25.2	9.4	21.2	1.8	4.6	0.4	0.4	-6.7	-9.2	-11.6	-11.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,800	3,884 (167)	5,241 (0.2)	17.0	5.5	5.6	6.9	13.8	14.9	0.7	-	-3.5	-9.8	-17.9	-17.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	110,800	50,216 (2,163)	76,344 (3.3)	0.0	10.5	8.9	25.7	33.7	31.7	3.1	2.4	-2.8	-4.6	-2.8	-2.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	84,300	18,983 (818)	77,762 (3.4)	0.0	14.3	12.7	20.3	27.8	27.3	3.3	3.0	-3.9	-7.1	-2.0	-2.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	37,000	1,092 (047)	1,060 (0.0)	68.2	22.3	-	-40.0	3.6	-	0.8	-	0.0	0.0	0.0	0.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	17,150	1,355 (058)	3,560 (0.2)	1.9	4.3	4.3	-3.9	21.1	18.8	0.9	0.8	0.0	-6.8	-18.5	-18.5
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	36,350	4,925 (212)	12,635 (0.5)	43.1	4.5	16.5	31.3	35.3	-	1.4	-	-6.8	-9.5	-4.8	-4.8
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	99,500	13,009 (560)	2,990 (0.1)	45.6	20.5	18.9	4.0	20.0	20.0	3.7	3.5	7.0	13.1	8.7	8.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	57,500	4,313 (186)	505 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	5.5	6.5	5.9	5.9
IT	FPT	FPTCORP	52,000	35,270 (1,519)	99,242 (4.3)	0.0	9.3	8.4	26.6	25.2	27.1	2.1	1.7	-4.9	-9.7	-10.8	-10.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.